

Số: 95 /BC-HSBĐ-KTTC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024

Kính gửi: - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
 - Bộ Tài chính.

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.

Thực hiện công bố thông tin theo định kỳ, Công ty TNHH MTV DV Khai thác Hải sản Biển Đông báo cáo tóm tắt báo cáo tài chính năm 2024 như sau:

Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khai thác Hải sản Biển Đông đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Kiểm toán viên không có ý kiến ngoại trừ về các số liệu trong Báo cáo tài chính của Công ty. Toàn văn Báo cáo tài chính đã được Công ty công bố trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính (<http://soe.mof.gov.vn>) và website Công ty (<http://khaithachaisanbiendong.vn>).

Một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính Công ty năm 2024 như sau:

1. Về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024:

Chỉ tiêu		Năm 2024
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	118.159.796.219
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	118.159.796.219
4	Giá vốn hàng bán	97.015.061.969
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.144.734.250
6	Doanh thu hoạt động tài chính	5.579.986.339
7	Chi phí tài chính	-
8	Chi phí bán hàng	9.462.800
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.032.326.411
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.682.931.378
11	Thu nhập khác	10.713.808



Chỉ tiêu		Năm 2024
12	Chi phí khác	548.661.181
13	Lợi nhuận khác	(537.947.373)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.144.984.005
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.506.560.321
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.638.423.684

2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	01/01/2024
I	Tài sản ngắn hạn	185.506.055.514	189.442.886.520
	Trong đó:		
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	88.232.041.915	159.752.381.724
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	86.790.000.000	19.986.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	4.604.316.699	3.707.871.440
4	Hàng tồn kho	4.196.160.795	4.242.927.356
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.683.536.105	1.753.706.000
II	Tài sản dài hạn	1.482.831.935.381	1.495.567.785.316
	Trong đó:		
1	Các khoản phải thu dài hạn	9.000.000	7.017.000
2	Tài sản cố định	1.478.472.935.381	1.491.210.768.316
	- Tài sản cố định hữu hình	1.475.982.046.271	1.488.429.493.570
	- Tài sản cố định vô hình	2.490.889.110	2.781.274.746
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-
4	Đầu tư tài chính dài hạn	4.350.000.000	4.350.000.000
5	Tài sản dài hạn khác	-	-
A	Tổng cộng tài sản	1.668.337.990.895	1.685.010.671.836
I	Nợ phải trả	83.938.129.558	101.069.671.619
1	Nợ ngắn hạn	83.938.129.558	101.069.671.619
2	Nợ dài hạn	-	-

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	01/01/2024
II	Vốn chủ sở hữu	1.584.399.861.337	1.583.941.000.217
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.584.399.861.337	1.583.941.000.217
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
B	Tổng cộng nguồn vốn	1.668.337.990.895	1.685.010.671.836

(Nguồn số liệu: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ NN & MT;
- Giám đốc, KSV;
- Lưu VT, KTTC (6b).

CHỦ TỊCH



Lương Quốc Vinh

